

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 385 /2023/DS-PT

Ngày 25 – 10 – 2023

V/v tranh chấp hợp đồng tặng cho
quyền sử dụng đất, thừa kế quyền sử dụng
đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 9 và ngày 25 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 279/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc: Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 174/2023/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 193/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Vũ E, sinh năm 1980 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Hồng B1, sinh năm 1967 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C ..

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Nguyễn Hồng B1:

Ông Nguyễn Minh L4, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Ấp 12B, xã K, huyện T, tỉnh C (Có mặt).

Ông Phan Hoàng B3, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Đường H, khóm 6, phường 6, thành phố C, tỉnh C (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Hồng B1: Ông Đỗ Văn T, là Luật sư của Chi nhánh Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Công Hùng & Cộng sự tại Cà Mau (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đặng Khánh B2, sinh năm 2002 (Có mặt);

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của anh B2:

Ông Nguyễn Minh L4, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Ấp 12B, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (Có mặt);

Ông Phan Hoàng B3, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Đường H, khóm 6, phường 6, thành phố C, tỉnh C (Có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh B2: Ông Đỗ Văn T, là Luật sư của Chi nhánh Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Công Hùng & Cộng sự tại Cà Mau (Có mặt).

2. Chị Đặng Thùy D1, sinh năm 2003 (Vắng mặt);

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của chị Đặng Thùy D1: Ông Nguyễn Minh L4, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Ấp 12B, xã K, huyện T, tỉnh C (Có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đặng Thùy D1: Ông Đỗ Văn T, là Luật sư của Chi nhánh Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Công Hùng & Cộng sự tại Cà Mau (Có mặt).

3. Ông Đặng Thanh V, sinh năm 1969 (Có mặt);

4. Chị Đặng Thúy D2, sinh năm 1992 (Vắng mặt);

5. Bà Trần Hồng L1, sinh năm 1981 (Vắng mặt);

6. Anh Đặng Tuấn L2, sinh năm 1999 (Vắng mặt);

7. Anh Đặng Tuấn L3, sinh năm 2000 (Vắng mặt);

8. Cháu Đặng Hồng Linh P, sinh năm 2007 (Vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của cháu Đặng Hồng Linh P: Ông Đặng Vũ E (Có mặt) và bà Trần Hồng L1 (Vắng mặt), (Là cha, mẹ ruột của cháu Phương).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Hồng B1, là bị đơn; chị Đặng Thùy D1 và anh Đặng Khánh B2, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo ông Đặng Vũ E trình bày:*

Cha mẹ ông là ông Đặng Văn Hùng (chết năm 2022) và bà Huỳnh Thị Hải Hoa (chết năm 2001) có 03 người con, gồm: Đặng Thị Hồng Đào (chết cách nay trên 30 năm, khi chết không có chồng con), Đặng Thanh V, Đặng Vũ E (ông V và ông Vũ E là con nuôi của ông Hùng và bà Hoa). Cha mẹ ông Hùng và bà Hoa đều đã chết. Khi còn sống, ông Hùng và bà Hoa có tạo lập được khoản 70 đến 80 công đất tầm lớn, ông Hùng và bà Hoa có cho ông V 07 công đất tầm lớn, ông V đã nhận đất và sử dụng cho đến nay; đối với ông Vũ E, ông Hùng và bà Hoa có hứa cho 06 công đất tầm lớn, nhưng ông Vũ E chưa có nhận đất. Đến năm 2001 bà Hoa chết, tài sản của bà Hoa và ông Hùng còn lại khoản 40 công đất tầm lớn, bà Hoa chết không để lại di chúc. Năm 2002, ông Hùng chung sống với bà Nguyễn Hồng B1 nhưng không có đăng ký kết hôn; ông Hùng và bà B1 có 02 người con chung tên Đặng

Khánh B2 và Đặng Thùy D1. Khi chung sống với bà B1, ông Hùng tự sáp nhập tài sản với bà B1 đối với phần đất có diện tích 19.243,8 m², tại thửa số 760, tờ bản đồ số 2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (gọi tắt là GCNQSDĐ) số: CS 720015 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 09/8/2019 cho hộ ông Đặng Văn Hùng và bà Nguyễn Hồng B1. Năm 2020, ông Hùng tặng cho ông Vũ E 01 phần đất ngang 08 mét, dài 80 mét nằm trong quyền sử dụng đất ông Hùng và bà B1 được cấp, việc tặng cho không có làm giấy tờ, đến năm 2021 mới tổ chức họp gia đình làm văn bản tặng cho đất được thể hiện tại Biên bản họp gia đình ngày 05/3/2021. Ông Vũ E đã nhận phần đất được tặng cho vào tháng 10/2020 và xây cất nhà tiền chế cấp 4, đào ao nuôi cá, lên líp trồng cây cho đến nay. Đến năm 2022, ông Hùng chết không để lại di chúc đối với phần đất diện tích 19.243,8 m² (theo đo đạc thực tế 19.244 m²). Hàng thừa kế thứ nhất của ông Hùng gồm: Đặng Thanh V, Đặng Vũ E, Đặng Khánh B2, Đặng Thùy D1. Đối với biên bản họp gia đình ngày 08/11/2009 ông Vũ E xác định không có tham dự, trước đây khi còn sống ông Hùng có nói tặng cho ông Vũ E 05 công đất ruộng nằm cặp với ông V, nhưng thực tế ông chưa có nhận đất, phần đất này không nằm trùng vị trí với phần đất yêu cầu chia thừa kế. Ông không có yêu cầu giám định gì đối với biên bản họp gia đình ngày 08/11/2009. Đối với việc sửa số “05” thành số “08” tại “Biên bản họp gia đình ngày 05/3/2021”, ông Vũ E xác định ông Hùng tặng cho ông Vũ E diện tích nền nhà ngang 10 mét, dài 80 mét, ông Vũ E có nợ ông Hùng hơn 100.000.000 đồng, ông Vũ E mới để lại cho ông Hùng 02 mét ngang (bên giáp phần đất ruộng của ông Hùng) để trừ tiền, nên phần đất còn lại ngang 08 mét, dài 80 mét. Lý do ngày 05/3/2021 ông Hùng lập biên bản họp gia đình tặng cho ông Vũ E ngang 05 mét, dài 80 mét là vì ông Hùng có nhu cầu chuyển nhượng phần đất cặp phần đất ông Vũ E, mục đích chuyển nhượng để xây dựng mồ mã, nên ông Vũ E để phần đất 03 mét cho ông Hùng chuyển nhượng dùm lấy tiền làm vốn làm ăn, nhưng ông Hùng không chuyển nhượng phần đất cặp ranh đất ông Vũ E mà chuyển nhượng phần đất khác của ông Hùng, nên 03 mét ngang đất của ông Vũ E cũng không chuyển nhượng và ông Hùng kêu ông Vũ E sửa lại biên bản họp gia đình nội dung sửa số “05” thành số “08” để làm cơ sở sau này tách quyền sử dụng đất cho ông Vũ E, nên ông Vũ E trực tiếp sửa biên bản trước sự chứng kiến của ông Hùng. Do đó, ông Vũ E yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập tại “Biên bản họp gia đình ngày 05/3/2021” đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế 636,2 m² có hiệu lực pháp luật; yêu cầu được chia thừa kế đối với diện tích đất theo đạc thực tế 1.582,2 m². Trường hợp chỉ được chấp nhận hợp đồng tặng cho diện tích đất ngang 05 mét (đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế 398 m²) và được chia thừa kế thì ông Vũ E yêu cầu được nhận phần đất thừa kế nằm cặp phần đất tặng cho được công nhận; trường hợp không được chia thừa kế thì ông tự nguyện di dời nhà và tài sản trên đất để trả đất, không có yêu cầu bồi thường về thành quả lao động. Đối với tiền chi phí tố tụng do ông Vũ E nộp và do bên bà B1 nộp ông Vũ E và ông V mỗi người chịu ½ nếu được chia thừa kế; án phí ông Vũ E tự chịu toàn bộ.

- Theo ông Nguyễn Minh L4 là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Hồng B1, anh Đặng Khánh B2, chị Đặng Thùy D1 trình bày:

Bà B1 và ông Hùng chung sống với nhau vào khoảng năm 2001, 2002, có đăng ký kết hôn, nhưng giấy kết hôn đã thất lạc. Bà B1 và ông Hùng chung sống có 02 người con chung gồm Đặng Khánh B2, Đặng Thùy D1. Ông Đặng Thanh V và ông Đặng Vũ E là con nuôi của ông Hùng. Bà B1 và ông Hùng chung sống không có tạo lập tài sản chung. Khi ông Hùng còn sống, vào năm 2009 có họp gia đình tặng cho ông V 07 công đất tầm lớn, tặng cho ông Vũ E 01 nền nhà ngang 05 mét, dài 100 mét và 05 công đất tầm lớn, nhưng do ông Vũ E làm ăn bị nợ phải bán đất, nên ông Hùng nhận mua lại phần đất của ông Vũ E với giá 39.000.000 đồng. Thời điểm năm 2009, ông Hùng còn đứng tên riêng phần đất diện tích hơn 35.000 m², sau đó chuyển nhượng và tặng cho một phần thì còn lại diện tích đất 19.243,8 m², tại thửa số 760, tờ bản đồ số 2, theo GCNQSDĐ số: CS 720015 cấp ngày 09/8/2019, phần đất này ông Hùng sáp nhập tài sản chung với bà B1, hiện nay bà B1 đang giữ bản gốc GCNQSDĐ. Thời điểm cấp quyền sử dụng đất đối với phần đất này cho hộ ông Hùng và bà B1 gồm có ông Hùng, bà B1, anh B2, chị D1. Ngoài phần đất tranh chấp thì bà B1 còn đứng tên các phần đất khác do ông Hùng chuyển quyền trong khối tài sản của ông Hùng hiện nay không có tranh chấp. Trong tổng diện tích đất 19.243,8 m², bà B1 và ông Hùng có tặng cho ông Vũ E và bà Đặng Thúy D2 mỗi người 01 phần đất ngang 05 mét, dài 80 mét, việc tặng cho đất có lập biên bản họp gia đình ngày 05/3/2021. Ông Hùng chết không để lại di chúc, nhưng có để lại các giấy tờ “biên bản họp gia đình ngày 08/11/2009 và biên bản họp gia đình ngày 05/3/2021”. Bà B1, anh B2, chị D1 chỉ đồng ý công nhận cho ông Vũ E phần đất ngang 05 mét (có diện tích theo đo đạc thực tế là 398 m²); không đồng ý chia thừa kế cho ông Vũ E và ông V, vì ông Vũ E và ông V đã được tặng cho đất vào năm 2009; phần đất còn lại theo biên bản họp gia đình ngày 08/11/2009 là do ông Hùng cùng bà B1 và 02 con hưởng, không ai có quyền xâm phạm. Đối với phần đất của bà Đặng Thúy D2 thì không có tranh chấp. Trường hợp chỉ chấp nhận yêu cầu của ông Vũ E đối với phần đất ngang 05 mét và không đồng ý chia thừa kế, thì không yêu cầu ông Vũ E phải di dời nhà và tài sản trả đất, nếu ông Vũ E tự nguyện thì đề nghị ghi nhận. Trường hợp chia thừa kế thì đồng ý chia giá trị đất theo giá đã định. Đối với tiền chi phí tố tụng bao gồm tiền xem xét thẩm định tại chỗ 300.000 đồng, tiền chi phí định giá 12.000.000 đồng bà B1 tự chịu; trường hợp ông Vũ E và ông V thống nhất hoàn trả cho bà B1 thì bà B1 đồng ý nhận.

- Theo ông Đặng Thanh V trình bày:

Ông V thống nhất trình bày của ông Vũ E. Việc trình bày của ông L4 về việc ông Hùng có họp gia đình tặng cho ông V 07 công đất tầm lớn là có, còn việc tặng cho đất ông Vũ E và sang nhượng lại như thế nào ông V không biết, nhưng nội dung 20 chỉ vàng là của ông V mượn của ông Hùng cho lại ông Vũ E (phần vàng này ông Hùng đã lấy đất của ông V để trừ). Biên bản họp gia đình ngày 08/11/2009 ông V không có tham dự và không có ký tên.

Nay ông V yêu cầu được chia thừa kế đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế 1.571,6 m², vị trí đất nằm cặp phần đất ông Vũ E yêu cầu chia thừa kế. Trường hợp Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế thì số tiền chi phí tố tụng ông cũng đồng ý chia đôi với ông Vũ E.

- Theo chị Đặng Thúy D2 trình bày:

Chị D2 là con ruột của ông V. Khi ông Hùng còn sống có tặng cho chị 01 phần đất diện tích ngang 05 mét, dài 80 mét, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C .. Phần đất được tặng cho nằm trong phần đất ông Hùng và bà B1 được cấp quyền sử dụng đất, hiện nay không có tranh chấp, nên chị D2 không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 174/2023/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Vũ E.

Công nhận 01 phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Văn Hùng với ông Đặng Vũ E được lập tại “*Biên bản hợp gia đình ngày 05/3/2021*”, đối với phần đất theo đo đạc thực tế 398 m² (loại đất trồng lúa) - thuộc 01 phần thửa đất số 760 - tờ bản đồ số 2 (bản đồ thành lập năm 2004) – đất tọa lạc tại ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C . theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CS 720015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 09/8/2019 cho hộ ông Đặng Văn Hùng và bà Nguyễn Hồng B1 là có hiệu lực pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Vũ E về việc yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 238,2 m².

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất của nguyên đơn ông Đặng Vũ E.

Ông Đặng Vũ E được hưởng thừa kế đối với phần đất có diện tích 1.582,2 m² – (loại đất trồng lúa) - thuộc 01 phần thửa đất số 760 - tờ bản đồ số 2 (bản đồ thành lập năm 2004) – đất tọa lạc tại ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C . theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CS 720015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 09/8/2019 cho hộ ông Đặng Văn Hùng và bà Nguyễn Hồng B1.

Buộc bà Nguyễn Hồng B1, anh Đặng Khánh B2, chị Đặng Thùy D1 có trách nhiệm giao toàn bộ phần đất nêu trên cho ông Đặng Vũ E quản lý, sử dụng.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập về việc chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thanh V.

Ông Đặng Thanh V được hưởng thừa kế đối với phần đất có diện tích 1.571,6 m² – (loại đất trồng lúa) - thuộc 01 phần thửa đất số 760 - tờ bản đồ số 2 (bản đồ thành lập năm 2004) – đất tọa lạc tại ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C . theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CS 720015 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 09/8/2019 cho hộ ông Đặng Văn Hùng và bà Nguyễn Hồng B1.

+ Buộc bà Nguyễn Hồng B1, anh Đặng Khánh B2, chị Đặng Thùy D1 có trách nhiệm giao toàn bộ phần đất nêu trên cho ông Đặng Thanh V quản lý, sử dụng.

(Diện tích tứ cận và vị trí các phần đất nêu trên có bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 16/5/2023 của Chi nhánh Công ty TNHH tư vấn xây dựng bản đồ Tản Cường tại Cà Mau (kèm theo)).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng của đương sự.

Ngày 26/6/2023, bà Nguyễn Hồng B1, anh Đặng Khánh B2, chị Đặng Thùy D1 có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của Đặng Vũ E và Đặng Thanh V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Minh L4 và ông Phan Hoàng B3 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Hồng B1, anh Đặng Khánh B2, chị Đặng Thùy D1.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Luật sư Tổng phát biểu: Theo biên bản họp gia đình ngày 08/11/2009 thể hiện đã phân chia đất cho ông V và ông Vũ E, phần còn lại ông Hùng và vợ con ông Hùng hưởng, không ai được tranh chấp. Quyền yêu cầu chia thừa kế của ông V và ông Vũ E bị giới hạn bởi biên bản họp gia đình ngày 08/11/2009, nên ông V và ông Vũ E yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất là tài sản của ông Hùng để lại là không đúng. Bản án sơ thẩm nhận định biên bản họp gia đình ngày 08/11/2009 không phải là di chúc, là không đúng. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà B1, anh B2, chị D1, sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Vũ E và ông V.

Ông L4 không có ý kiến tranh luận.

Ông Bi phát biểu: Thống nhất với ý kiến phát biểu tranh luận của Luật sư Tổng, nhưng bổ sung thêm: Biên bản họp gia đình ngày 08/11/2009 ông Hùng đã định đoạt đối với phần đất của ông Hùng; ông Vũ E và ông V đã được ông Hùng cho đất trước đó. Bản án sơ thẩm nhận định không công nhận ông Hùng và bà B1 là vợ chồng, là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà B1.

Ông Vũ E phát biểu: Trước đây ông Hùng có hứa cho ông 06 công đất, nhưng chưa cho, ông chưa nhận đất; ông không có bán đất, không có mượn vàng của ông Hùng; biên bản họp gia đình ngày 08/11/2009 là không có. Ông Vũ E yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông V phát biểu: Nguồn gốc đất là do cha mẹ ông và ông Vũ E tạo lập; trước đây chỉ có ông được cho đất, ông Vũ E chưa được cho đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Anh Đặng Khánh B2, chị Đặng Thùy D1, bà Nguyễn Hoàng Bửu, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Hồng B1, anh Đặng Khánh B2, chị Đặng Thùy D1 yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Đặng Vũ E và ông Đặng Thanh V, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập có tại hồ sơ và trình bày của các bên đương sự có cơ sở xác định:

[1.1] Ông Đặng Vũ E và Đặng Thanh V là con nuôi của ông Đặng Văn Hùng và bà Huỳnh Thị Hải Hoa, ông Vũ E và ông V được ông Hùng và bà Hoa nhận làm con nuôi và nuôi dưỡng từ nhỏ. Bà Hoa chết năm 2001, ông Hùng chết năm 2022; bà Hoa và ông Hùng chết đều không để lại di chúc.

[1.2] Phần đất ông Vũ E và ông V yêu cầu chia thừa kế có nguồn gốc do ông Hùng và bà Hoa tạo lập. Sinh thời, ông Hùng và bà Hoa có tạo lập được phần đất diện tích 35.000m², tọa lạc tại ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C .. Năm 2001, bà Hoa chết không để lại di chúc. Đến năm 2002, ông Hùng chung sống với bà B1 nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông Hùng và bà B1 có 02 người con chung là Đặng Khánh B2 và Đặng Thùy D1. Ngày 08/11/2009, ông Hùng tiến họp gia đình để phân chia đất, theo nội dung biên bản họp gia đình ngày 08/11/2009 thể hiện: “ ... cho Đặng Hoàng Vũ 07 công tằm lớn và Đặng Văn Vũ Em 05 công tằm lớn và 01 nền nhà dài 100m, ngang 05m. Sau khi Vũ làm ăn thất bại Vũ mới bán số đất, nhà, ông Hùng mua lại tất cả là 39.000.000 đồng... Vậy số đất nói trên ai cũng có phần đó, số đất còn lại tôi và vợ và 2 đứa con tôi hưởng, không ai có quyền xâm phạm. Nếu sau này có tranh chấp hoàn toàn chịu trách nhiệm”.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của bị đơn xác định thời điểm lập biên bản họp gia đình ngày 08/11/2009 thì tổng diện tích đất của ông Hùng là hơn 35.000m², là tài sản riêng của cá nhân ông Hùng. Xét thấy, bà Hoa là vợ hợp pháp của ông Hùng, cũng không có tài liệu chứng cứ nào xác định phần đất nêu trên là của cá nhân ông Hùng; do đó, có cơ sở xác định phần đất diện tích 35.000m² nêu trên là tài sản chung của ông Hùng và bà Hoa. Bà Hoa chết không để lại di chúc nên ông Hùng chỉ có quyền định đoạt ½ tài sản chung là quyền sử dụng đất tương ứng diện tích 17.500m², phần còn lại ½ tương ứng diện tích 17.500m² là di sản của bà Hoa để lại. Đối với biên bản họp gia đình ngày 08/11/2009, ông Vũ E và ông V không thừa nhận có họp gia đình ngày 08/11/2009 và không thừa nhận có ký tên trong biên bản. Qua xác minh đối với những người làm nhân chứng có tên trong biên bản cũng không xác định được ông Vũ E và ông V có tham gia họp và ký tên trong biên bản hay không. Như vậy, việc ông Hùng định đoạt phân chia tài sản đối với toàn bộ phần đất diện tích 35.000m², trong đó có phần di sản thừa kế của bà Hoa để lại và xác định phần còn lại là của ông Hùng, bà B1 và 02 con là chưa phù hợp quy định pháp luật.

[1.4] Mặt khác, sau thời điểm ngày 08/11/2009, ông Hùng và bà B1 đã chuyển nhượng cho nhiều người trong tổng diện tích đất 35.000m²; phần còn lại, năm 2019 ông Hùng đã sáp nhập thành tài sản chung với bà B1 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hùng, bà B1 diện tích 19.243,8m². Sau thời điểm này đến khi ông Hùng chết, ông Hùng cũng không có để lại văn bản hay di chúc thể hiện ý chí chuyển quyền tài sản trong khối tài sản chung với bà B1 cho ai. Nếu phần đất còn lại theo biên bản họp gia đình ngày 08/11/2009 là tài sản chung của ông Hùng và bà B1, thì sau khi ông Hùng chết, phần tài sản của ông Hùng trong khối tài sản chung với bà B1 được xác định là di sản thừa kế của ông Hùng chết để lại. Ông Vũ E và ông V là con nuôi của ông Hùng, là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hùng; ông Vũ E và ông V không thuộc trường hợp bị truất quyền thừa kế, nên việc ông Vũ E và ông V yêu cầu chia thừa

kế đối với phần di sản của ông Hùng để lại là phù hợp với quy định pháp luật, được chấp nhận. Đối với trình bày của Luật sư và đại diện của bị đơn cho rằng Biên bản họp gia đình ngày 08/11/2009 xem như là di chúc của ông Hùng, quyền yêu cầu chia thừa kế của ông Vũ E và ông V bị giới hạn bởi biên bản họp gia đình ngày 08/11/2009 là không có cơ sở. Đối với bà B1 chung sống với ông Hùng từ năm 2002, nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng; do đó, bà B1 không được xác định là người thừa kế của ông Hùng theo quy định pháp luật.

[1.5] Như vậy, phần diện tích đất $19.243,8m^2$ (theo đo đạc thực tế $19.244m^2$) là tài sản chung của ông Hùng và bà B1, sau khi được trừ đi diện tích đã cho ông Vũ E $398m^2$ và chị D2 $398,5m^2$, thì phần diện tích còn lại là $18.447,5m^2$, nên phần diện tích đất được xác định là di sản ông Hùng chết để lại là $9.223,75m^2$; nếu chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Hùng gồm ông V, ông Vũ E, anh B2, chị D1 (04 kỷ phần) thì mỗi kỷ phần được nhận tương ứng với diện tích là $2.305,93m^2$. Tuy nhiên, ông Vũ E chỉ yêu cầu chia thừa kế diện tích $1.582,2m^2$ và ông V chỉ yêu cầu chia thừa kế diện tích $1.571,6m^2$; Bản án sơ thẩm chấp nhận phân chia diện tích đất theo yêu cầu của ông Vũ E và ông V là ít hơn so với kỷ phần được chia theo pháp luật. Do ông Vũ E, ông V và bà B1, anh B2, chị D1 không có kháng cáo về phần diện tích phân chia, nên giữ nguyên diện tích như bản án sơ thẩm đã phân chia là có cơ sở.

[2] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo bà Nguyễn Hồng B1, anh Đặng Khánh B2, chị Đặng Thùy D1, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp. Tuy nhiên, cấp phúc thẩm có điều chỉnh lại cách tuyên đối với bản án sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà B1, anh B2, chị D1, mỗi người phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Hồng B1, anh Đặng Khánh B2, chị Đặng Thùy D1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 174/2023/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Vũ E về việc công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Văn Hùng với ông Đặng Vũ E được xác lập tại “Biên bản họp gia đình ngày 05/3/2021”, đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế 398 m² (thửa số 4 – Bản trích đo hiện trạng), thuộc một phần thửa đất số 760, tờ bản đồ số 2 (bản đồ thành lập năm 2004), đất tọa lạc tại ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C . theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CS 720015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 09/8/2019 cho hộ ông Đặng Văn Hùng và bà Nguyễn Hồng B1 đứng tên có hiệu lực pháp luật.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Vũ E về việc công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với diện tích đất là 238,2 m².

- Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Đặng Vũ E.

Phân chia cho ông Đặng Vũ E được hưởng diện tích đất 1.582,2 m² (thửa số 3 – Bản trích đo hiện trạng), thuộc một phần thửa đất số 760, tờ bản đồ số 2 (bản đồ thành lập năm 2004), đất tọa lạc tại ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C . theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CS 720015 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 09/8/2019 cho hộ ông Đặng Văn Hùng và bà Nguyễn Hồng B1 đứng tên. Buộc bà B1, anh B2 và chị D1 có trách nhiệm giao cho ông Vũ E diện tích đất 1.582,2m² được phân chia nêu trên.

- Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Đặng Thanh V.

Phân chia cho ông Đặng Thanh V được hưởng diện tích đất 1.571,6 m² (thửa số 2 – Bản trích đo hiện trạng), thuộc một phần thửa đất số 760, tờ bản đồ số 2 (bản đồ thành lập năm 2004), đất tọa lạc tại ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C . theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CS 720015 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 09/8/2019 cho hộ ông Đặng Văn Hùng và bà Nguyễn Hồng B1 đứng tên. Buộc bà B1, anh B2 và chị D1 có trách nhiệm giao cho ông V diện tích đất 1.571,6m² được phân chia nêu trên.

(Kèm theo Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 16/5/2023 của Chi nhánh Công ty TNHH tư vấn xây dựng bản đồ Tấn Cường tại Cà Mau).

Ông Đặng Vũ E và ông Đặng Thanh V có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất đối với phần đất được tặng cho, được phân chia theo quy định pháp luật.

- Chi phí tố tụng số tiền 12.300.000 đồng: Ông Đặng Vũ E phải chịu 6.150.000 đồng bà Nguyễn Hồng B1 phải chịu 6.150.000 đồng. Bà B1 đã dự nộp xong, ông Vũ E trả lại cho bà B1 số tiền 6.150.000 đồng.

Kể từ ngày bà B1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông Vũ E và ông V còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Vũ E phải chịu án phí không có giá ngạch 600.000 đồng và án phí có giá ngạch là 26.340.664 đồng. Ông Vũ E đã dự nộp 2.140.000 đồng theo biên lai thu số 0005084 ngày 05/7/2022 của Chi cục thi

hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, đối trừ ông Vũ E còn phải nộp tiếp 24.500.664 đồng. Ông Đặng Thanh V phải chịu án phí có giá ngạch là 23.739.296 đồng. Ông V đã dự nộp 1.700.000 đồng theo biên lai thu số 0005338 ngày 24/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, đối trừ ông V còn phải nộp tiếp 22.039.296 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Hồng B1, anh Đặng Khánh B2, chị Đặng Thùy D1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ngày 28/6/2023 anh B2, chị D1, bà B1 mỗi người đã dự nộp 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0006966, 0006967, 0006969 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập